

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày 04-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh ngày 23/10/1998 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Đào Thị T; vợ, con: Không; tiền án, tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2021 (có mặt);

- Bị hại: Chị Lù Thị S (tên gọi khác T), sinh năm 1999; trú tại: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Lù Thị B, sinh năm 1996; trú tại: Thôn K, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

+ Bà Đào Thị T, sinh năm 1977; trú tại: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt).

+ Anh Đặng Ngọc S, sinh năm 1993; trú tại: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Trần Văn V, sinh năm 1995; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Kim Q, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ Chị Lại Thị T, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước với Kiều Hoa K, sinh năm 1992, ở xã Q, huyện L làm nghề quản lý nhân viên quán hát nên buổi chiều ngày 09/7/2021, Nguyễn Thị M rủ bạn là chị Lù Thị S (tên thường gọi là T) về phòng trọ của K ở xã T, huyện T chơi và ăn uống cùng K; Trần Văn V, sinh năm 1995; Đặng Ngọc S, sinh năm 1993 đều ở xã Q, huyện L; Trần Minh T, sinh năm 1998 ở xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch; Kiều Quang L, sinh năm 2000 ở xã N, huyện L và một số người bạn khác của K. Sau khi ăn uống xong M, chị S, K cùng nhóm bạn đi hát karaoke tại quán T của anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1996 ở thôn Q, xã Q, huyện L đến khoảng 01 giờ ngày 10/7/2021 thì nghỉ. Lúc này, T cùng chị S đến nhà nghỉ H ở xã Đ, huyện T thuê phòng ngủ, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì quay về phòng trọ của K ở xã T. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, M đi có việc và bảo chị S chờ M ở phòng trọ của K còn T và S đi taxi xuống thành phố Hà Nội đón chị Vũ Thị Thu L, sinh năm 1984, ở phường K, quận T, thành phố Hà Nội về tỉnh Vĩnh Phúc làm nhân viên quán hát. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, K, V và chị S đi xe máy lên quán T thì gặp T, S và chị L. Do anh T không nhận nhân viên nên V cùng chị L đi taxi đến quán khác xin việc còn K điều khiển xe máy biển kiểm soát 88D1 – 440.95 chở T, S, chị S đến nhà nghỉ S của chị Lại Thị T, sinh năm 1983, ở thôn Đ, xã H, huyện L. Khi đến nhà nghỉ S, lúc này khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T và chị S đi vào quầy lễ tân gặp chị T và thuê phòng 202 còn K và S phóng xe bỏ đi. Khi vào trong phòng 202 vì muốn chiếm đoạt tiền của chị S nên T chốt cửa phòng lại và nói với chị S “Bà M nhượng lại máy cho bọn tao giá tám triệu rồi, máy liệu mà làm trả cho bọn tao, nếu không bảo người nhà đem tiền đến chuộc”. Lúc này chị S biết mình bị giữ, bị chiếm đoạt tài sản nên sợ và khóc rồi chạy đến mở chốt cửa lao ra khỏi phòng 202 đến hành lang tầng hai thì bị T đuổi theo giữ được, kéo chị S vào phòng 202 chốt cửa lại. Lúc này, chị S ngồi ở đầu giường còn T đứng chặn ở cửa phòng nói “Bây giờ tao quay video làm bằng chứng máy nợ tao tám triệu”, do bị T uy hiếp, đe dọa nếu không nhận nợ và không đưa tiền thì T không cho về nên chị S nói “Vâng”. Sau đó, T cầm chiếc điện thoại Iphone 6S của mình ở tay trái còn tay phải chỉ vào mặt chị S quay ba đoạn video, khi T quay video chị S vừa khóc, vừa trả lời. T hỏi “Em tên gì”, chị S nói “Em tên Nguyễn Phương T”, T hỏi “Em nợ bao tiền”, chị S nói “Nợ tám triệu”. Quay video xong T yêu cầu chị S thông báo cho người nhà đem tiền đến đưa cho T thì T mới cho về, nếu không thì phải

ở lại khi nào có tiền đưa T mới được về nên chị S lấy điện thoại của mình nhắn tin Zalo cho chị họ là Lù Thị B (làm công nhân ở khu công nghiệp K– thành phố V) nói mình bị giữ trong nhà nghỉ S, bị ép nhận nợ 8.000.000đ, tiếp đó T dùng điện thoại của chị S gọi cho chị B yêu cầu chị B đem tiền lên đưa cho T, chị B đồng ý. Khi T bắt giữ chị S trong phòng 202 được khoảng 40 phút thì nhận được điện thoại của V nói đã đưa chị L về nhà nghỉ S để nghỉ thì T mở cửa đi ra rồi đóng cửa phòng 202 và đi xuống tầng một của nhà nghỉ gặp chị L, lợi dụng lúc T đi ra khỏi phòng, chị S mở cửa phòng 202 chạy xuống tầng một nhà nghỉ S kêu cứu. Thời điểm này, tại tầng một nhà nghỉ S chỉ có T, chị L và chị S còn V đang đi vệ sinh cách đó khoảng 20m. Lúc này, chị T cùng chồng là anh Nguyễn Kim Q đang ngủ trong phòng nghe thấy tiếng ồn ào nên đi ra ngoài thì thấy T đang cãi chửi nhau với chị L nên anh Q đến can ngăn và gọi điện báo công an xã H. T sợ bị phát hiện nên yêu cầu chị S đi lên xe taxi ngồi ở hàng ghế sau, một lúc sau V đi vệ sinh xong lên xe ngồi ở ghế phụ rồi V, T và chị S đi về xã T, huyện T, trên đường đi, T bảo chị S liên lạc với chị B báo thay đổi địa điểm nên chị S gửi vị trí định vị cho chị B thì chị B gọi điện báo Công an xã T, huyện T nên khi T, V và chị S về đến phòng trọ của K ở xã T thì bị Công an xã T phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ hình ảnh camera tại nhà nghỉ S thời điểm xảy ra sự việc; 01 điện thoại di động Iphone 6S của T, Cơ quan điều tra niêm phong theo quy định phục vụ công tác giám định, chị B giao nộp 01 đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa chị B và T, chị S giao nộp 12 ảnh chụp các tin nhắn, cuộc gọi Zalo giữa chị S với chị B.

Tại kết luận giám định số 1983 ngày 12/8/2021, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Trích xuất được 04 ảnh phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội.

Tại kết luận giám định số 1995 ngày 13/8/2021, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Trích xuất được 08 ảnh diễn biến của người và phương tiện xuất hiện trên 03 tập video gửi giám định, phù hợp với thời gian, diễn biến khi T đưa chị S vào nhà nghỉ S.

Tại Cơ quan điều tra, T khai: Khi Kiều Hoa K điều khiển xe máy chở T, chị S và S đến nhà nghỉ S, K nói với T “Hai đứa mày lên lấy một phòng, thông báo với nó bà M nhượng lại nó cho tao tám triệu, mày trông nó ở đây, tỳ tao quay lại đón”, sau đó K và S phóng xe máy bỏ đi. Cơ quan điều tra đã triệu tập, nhiều lần xác minh nhưng K không có mặt ở địa phương. Căn cứ lời khai của chị S và S không biết, không nghe thấy T và K trao đổi, bàn bạc nội dung gì. Ngoài lời khai của T, Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh K chỉ đạo T bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý K trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Thị M, quá trình điều tra xác định mục đích của M khi đưa chị S đến gặp K là giới thiệu chị S đi làm nhân viên quán hát cho K để được K trả công giới thiệu nhưng M chưa được K trả khoản tiền gì, M không biết, không trao đổi, bàn bạc gì với K, T trong việc bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với M.

Đối với Đặng Ngọc S là người đi cùng K, T và chị S đến nhà nghỉ S ngày 10/7/2021, quá trình điều tra xác định S không biết, không bàn bạc gì với K, T trong việc bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Trần Văn V là người đi cùng T, chị S từ nhà nghỉ S về phòng trọ của K ngày 10/7/2021, quá trình điều tra xác định V không bàn bạc, trao đổi gì với K, T trong việc bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S. Khi V đưa chị L đến nhà nghỉ S, V gọi điện cho T xuống gặp chị L rồi đi vệ sinh cách đó khoảng 20m, không biết việc T bắt chị S lên xe taxi, khi V vệ sinh xong lên ngồi ở ghế phụ xe taxi thì thấy T và chị S đã ngồi ở hàng ghế sau. Quá trình xe taxi di chuyển từ nhà nghỉ S về xã T, do lái xe bật nhạc to nên V không biết T và chị S trao đổi nội dung gì.

Đối với người lái xe taxi đưa T, chị S và V từ nhà nghỉ S về phòng trọ của K ở xã T, quá trình điều tra V, T và chị S khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người lái xe, không nhớ hãng xe taxi nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ.

Đối với chị Lại Thị T và anh Nguyễn Kim Q là chủ nhà nghỉ S, quá trình điều tra xác định chị T, anh Q không biết T thực hiện hành vi bắt giữ và cưỡng đoạt tài sản của chị S tại nhà nghỉ của mình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng nhạt, màn hình bị nứt, vỡ là công cụ, phương tiện Trần Minh T sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 1 USB lưu giữ hình ảnh camera tại nhà nghỉ S thời điểm xảy ra sự việc; 01 đĩa CD lưu 03 đoạn video ghi lại việc T ép chị S nhận nợ; 01 đĩa CD lưu giữ đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa chị B và T và 12 ảnh chụp các tin nhắn, cuộc gọi Zalo giữa chị S với chị B là tài liệu chứng minh tội phạm.

- Đối với xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng – đỏ - đen biển kiểm soát 88D1 – 440.95 là phương tiện K chở T, chị S đến nhà nghỉ S ngày 10/7/2021. Quá trình điều tra xác định xe máy trên là của bà Đào Thị T là mẹ đẻ của T, bà T cho T mượn xe máy trên để đi lại, không biết T sử dụng xe máy trên vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe máy trên.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, Trần Minh T đã tác động đến gia đình để bồi thường cho chị S số tiền 10.000.000đ. Chị S đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại CQĐT, Trần Minh T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-LT ngày 23/02/2022, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Trần Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Minh T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Bắt giữ người trái pháp luật”;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Minh T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội.

Không phạt bổ sung, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Trần Minh T nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà bị cáo Trần Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 10/7/2021, Trần Minh T đã đưa chị Lù Thị S đến thuê phòng 202 nhà nghỉ S thuộc thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, T đã chốt cửa, giữ chị S trong phòng khoảng 40 phút rồi uy hiếp, đe dọa chị S phải nhận nợ T số tiền 8.000.000 đồng và đã dùng điện thoại di động để quay lại lời nhận nợ của chị S. T tiếp tục bắt, giữ chị S đưa về xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và yêu cầu chị S thông báo cho gia đình phải đem tiền đến để trả T. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã T, huyện T phát hiện, bắt giữ.

Hành vi uy hiếp, đe dọa tinh thần buộc người khác phải nhận nợ và bắt, giữ người trái pháp luật đối với người khác do bị cáo Trần Minh T thực hiện đã

phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bắt giữ ... người trái pháp luật ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào ... có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Minh T lần đầu phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù một thời gian phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có việc làm, không có tài sản gì nên không cần thiết phải phạt bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động để mẹ bị cáo là bà Đào Thị T bồi thường thiệt hại cho bị hại 10.000.000đồng và bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với số tiền 10.000.000đồng mà bà Đào Thị T đã bồi thường cho bị hại, nay bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng nhạt là công cụ, phương tiện Trần Minh T sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

Đối với 1 USB lưu giữ hình ảnh camera tại nhà nghỉ S thời điểm xảy ra sự việc; 01 đĩa CD lưu 03 đoạn video ghi lại việc T ép chị S nhận nợ; 01 đĩa CD lưu giữ đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa chị B và T và 12 ảnh chụp các tin nhắn,

cuộc gọi Zalo giữa chị S với chị B là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng – đỏ - đen biển kiểm soát 88D1 – 440.95 là phương tiện K chở T, chị S đến nhà nghỉ S ngày 10/7/2021. Quá trình điều tra xác định xe máy trên là của bà Đào Thị T là mẹ đẻ của T, bà T cho T mượn xe máy trên để đi lại, không biết T sử dụng xe máy trên vào việc phạm tội nên không cần phải tịch thu chiếc xe máy trên.

[7]. Đối với Kiều Hoa K điều khiển xe máy chở T, chị S và S đến nhà nghỉ S, K nói với T “Hai đứa mày lên lấy một phòng, thông báo với nó bà M nhượng lại nó cho tao tám triệu, mày trông nó ở đây, tý tao quay lại đón”, sau đó K và S phóng xe máy bỏ đi. Cơ quan điều tra đã triệu tập, nhiều lần xác minh nhưng K không có mặt ở địa phương. Căn cứ lời khai của chị S và S không biết, không nghe thấy T và K trao đổi, bàn bạc nội dung gì. Ngoài lời khai của T, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh K chỉ đạo T bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S nên chưa đủ căn cứ xử lý K trong vụ án này, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục triệu tập, xác minh, làm rõ xử lý theo quy định.

Đối với chị Nguyễn Thị M, xác định mục đích của chị M khi đưa chị S đến gặp K là giới thiệu chị S đi làm nhân viên quán hát cho K để được K trả công giới thiệu nhưng chị M chưa được K trả khoản tiền gì, M không biết, không trao đổi, bàn bạc gì với K, T trong việc bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị M là phù hợp.

Đối với Đặng Ngọc S là người đi cùng K, T và chị S đến nhà nghỉ S ngày 10/7/2021, quá trình điều tra xác định S không biết, không bàn bạc gì với K, T trong việc bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Trần Văn V là người đi cùng T, chị S từ nhà nghỉ S về phòng trọ của K ngày 10/7/2021, quá trình điều tra xác định anh V không bàn bạc, trao đổi gì với K, T trong việc bắt giữ, cưỡng đoạt tài sản của chị S. Khi V đưa chị L đến nhà nghỉ S, anh V gọi điện cho T xuống gặp chị L rồi đi vệ sinh cách đó khoảng 20m, không biết việc T bắt chị S lên xe taxi, khi V vệ sinh xong lên ngồi ở ghế phụ xe taxi thì thấy T và chị S đã ngồi ở hàng ghế sau. Quá trình xe taxi di chuyển từ nhà nghỉ S về xã T, do lái xe bật nhạc to nên anh V không biết T và chị S trao đổi nội dung gì. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh V là phù hợp.

Đối với người lái xe taxi đưa T, chị S và V từ nhà nghỉ S về phòng trọ của K ở xã T, quá trình điều tra V, T và chị S khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người lái xe, không nhớ hãng xe taxi nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ.

Đối với chị Lại Thị T và anh Nguyễn Kim Q là chủ nhà nghỉ S, quá trình điều tra xác định chị T, anh Q không biết T thực hiện hành vi bắt giữ và cưỡng đoạt tài sản của chị S tại nhà nghỉ của mình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: bị cáo Trần Minh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Minh T 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/9/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone của Trần Minh T.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/02/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch và Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - Công an huyện Lập Thạch;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi Cục THADS huyện Lập Thạch;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa